TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tăng Văn Chiến

Ông Võ Bạch Đằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Chí B, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn:* Chị Lê Hồng T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Huỳnh Chí B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/7/2020. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, từ năm 2020 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay anh B nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị T có 01 con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 12/8/2019. Ngoài ra không còn con chung nào khác. Nay

ly hôn anh B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Huỳnh Bảo N, về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Hồng T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định nhưng chị T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị T; chị T cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; chị T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, Tòa án đến nhà của chị T để làm việc nhưng không gặp nên không có lời khai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Chí B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị T. Về con chung, đề nghị giao 01 con chung tên Huỳnh Bảo N cho anh B nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng anh B xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Anh B yêu cầu ly hôn với chị T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị T cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh B có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị T.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/7/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo anh B, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 đến nay, nay anh B xác định không còn tình cảm với chị T nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị T nhưng chị T không quan tâm, quá trình giải quyết vụ án chị T không lần nào đến Tòa án và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh B. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng nay anh B cương quyết xin ly hôn với chị T mà chị T không có thiện chí hòa giải cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của anh chị không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, anh B yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với chị T thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B, cho anh B được ly hôn với chị T.

[2] Về con chung: Anh B và chị T quá trình chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 12/8/2019. Ngoài ra, anh B và chị T không còn con chung nào khác, hiện tại cháu Nhi đang ở chung với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, về cấp dưỡng anh B xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Nhi đang sống cùng anh B, chị T là mẹ cháu Nhi nhưng hiện không có mặt tại địa phương và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Nay anh B có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, do đó để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý cho cháu Nhi trong việc ăn ở và học tập nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B giao cháu Nhi cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh B, giao cháu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 12/8/2019 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Huỳnh Chí B phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 53, Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Huỳnh Chí B đối với chị Lê Hồng T. Xử cho anh Huỳnh Chí B được ly hôn với chị Lê Hồng T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 12/8/2019 cho anh Huỳnh Chí B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Chí B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003444 ngày 22/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
-CCTHADS huyện H;
-Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm